

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12 /2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/03/2024

V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Bà Lê Thị Chúc Ngân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2023 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/03/2024 giữa các đương sự:

Người đơn: Chị **Lưu Kim Y**, sinh năm 1999; CCCD số 054199005522 cấp ngày 12/9/2022.

Nơi thường trú: Tổ 19, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Đội 4, thôn P, xã Hòa Đ, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Anh **Đặng Đông Đ**, sinh năm: 1996; CCCD số 075096011004 cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ: Tổ 19, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Y, anh Đ cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2023, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai người đơn chị Lưu Kim Y trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tôi và anh Đ tự nguyện yêu thương nhau từ năm 2016 được khoảng 2 năm thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 21/12/2018. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của tôi.

Sau khi kết hôn tôi và anh Đ sống chung với nhau tại tổ 19, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai, đây là nhà của cha mẹ chồng. Thời gian đầu vợ chồng

chung sống hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng tháng 5/2023 nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu về vấn đề tiền bạc, kinh tế trong gia đình, anh Đ không lo làm ăn mà chỉ lo chơi bời, nhậu nhẹt tụ tập bạn bè, do anh Đ còn trẻ nên tính còn ham chơi không biết vun vén, lo cho kinh tế gia đình, chồng tôi đi làm không mang tiền về xây dựng gia đình, vợ chồng chúng tôi không sống cùng gia đình nữa mà chuyển ra ngoài thuê nhà trọ khoảng hơn 02 năm nay, mọi vấn đề kinh tế từ khi chúng tôi chuyển ra ở riêng đến nay tôi do tôi lo lắng, anh Đ không có trách nhiệm với gia đình. Hiện nay vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt nên khoảng tháng 7/2023 chúng tôi đã sống ly thân, tôi chuyển ra nhà trọ ở tại phường S, thành phố L còn chồng tôi chuyển về nhà ở cùng cha mẹ, sau đó tôi về nhà cha mẹ để ở tại Phú Yên để ở cho đến nay, từ khi ly thân chúng tôi mạnh ai nấy sống, không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chúng tôi không gặp nhau, anh Đ cũng không liên lạc gì cho tôi kể từ đó đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng tôi cha mẹ bên chồng đều đã biết. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình và bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng không thành và vợ chồng cũng đã tự hòa giải với nhau.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đặng Đông Đ.

- **Về con chung:** Vợ chồng tôi chung sống không có con chung.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Đặng Đông Đ vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguY đơn và bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên ngày 05/3/2024 nguyên đơn có “Đơn xin xét xử vắng mặt”, đồng thời do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguY đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Kim Y được ly hôn với anh Đặng Đông Đ.

+ Về con chung: Chị Y và anh Đ chung sống không có con chung.

- + Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.
- + Về án phí: Buộc chị Lưu Kim Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* NguY đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết “Ly hôn”, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn”. Bị đơn anh Đặng Đông Đ hiện đang cư trú tại tổ 19, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, nguY đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lưu Kim Y và anh Đặng Đông Đ tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 21/12/2018. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của chị Y và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của đương sự tại tòa án cho thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng chị Y và anh Đ đã dễ xảy ra mâu thuẫn sau một thời gian chung sống, phần lớn nguyên nhân do vợ chồng có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế gia đình, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến phải sống ly nhau từ tháng 7/2023 đến nay.

Theo nguyên đơn chị Y cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đến nơi cư trú của anh Đ xác minh thu thập chứng cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh Đ tại công an xã và tư pháp xã cùng với đó đến nhà anh Đ để lấy lời khai nhưng anh Đ đi làm không có ở nhà, vì vậy Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ba ruột của anh Đ là

ông Đặng Văn D và tiên hành hành ghi ghi lời khai của ông D về tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị Y ông D cho rằng: “Anh Đ và chị Y đã không chung sống với nhau từ tháng 5/2023 và anh Đ cũng muốn ly hôn nhưng do đi làm nên không về Tòa án giải quyết ly hôn được, chị Y cũng không về nhà ông, hiện nay anh Đ chung sống cùng với gia đình ông” Tòa án đã tiến hành giao cho ông D các văn bản tố tụng để giao lại anh Đ nhưng anh Đ vẫn không có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của chị Y gửi cho Tòa án và vắng mặt không đến Tòa án làm việc, Tòa án nhiều lần tổ chức hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh Đ đều vắng mặt, anh Đ cũng không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng, có thái độ bỏ mặc, không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị Y và anh Đ đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chung sống không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí DSST: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Kim Y về “Ly hôn”.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lưu Kim Y được ly hôn với anh Đặng Đông Đ.

2. *Về con chung*: Vợ chồng chị Y và anh Đ chung sống không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Lưu Kim Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007900 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Lưu Kim Y và anh Đặng Đông Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã X (số ĐKKH 99 ngày 21/12/2018);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Thành